**NHÓM 2: MA TRẬN, ĐẶC TẢ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I – LỚP 6**

**1. Khung ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/**  **đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiểm tra, đánh giá** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** | |
| **Nhận biết**  **(TNKQ)** | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | **Vận dụng**  **(TL)** | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | |
| *TN* | *TL* | *TN* | *TL* | *TN* | *TL* | *TN* | *TL* |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | | | | |
| **Chủ đề 1: Xã hội nguyên thủy** | Nội dung 1: Nguồn gốc loài người | 1 TN |  |  |  |  |  |  |  | 2,5% | |
| Nội dung 2: Xã hội nguyên thủy | 1 TN |  |  |  |  |  |  |  | 2,5% | |
| **Chủ đề 2: Xã hội cổ đại** | Nội dung 1: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại | 2 TN |  |  |  |  |  |  |  | 5% | |
| Nội dung 2: Ấn Độ cổ đại |  |  |  |  |  | ½ TL |  | ½ TL | 15% | |
| Nội dung 3: Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỷ VII | 2 TN |  |  |  |  |  |  |  | 5% | |
| Nội dung 4: Hy Lạp và La Mã cổ đại |  |  |  | 1 TL |  |  |  |  | 15% | |
| **Chủ đề 3: Đông Nam Á từ những thế kỷ tiếp giáp đầu công nguyên đến thế kỷ X** | Nội dung 1: Các quốc gia sơ kỳ ở Đông Nam Á | 2 TN |  |  |  |  |  |  |  | 5% | |
| Nội dung 2: Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á. |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| Nội dung 3: Giao lưu văn hóa ở ĐNA từ đầu công nguyên đến thế kỷ X |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |
| **Số câu** | | **8 TN** |  |  | **1 TL** |  | **½ TL** |  | **½ TL** | | **10** | |
| **Tỉ lệ** | | **20%** |  |  | **15%** |  | **10%** |  | **5%** | | **50%** | |

**2. Bản đặc tả**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ của yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 2 | THỜI NGUYÊN THUỶ | 1. Nguồn gốc loài người | **Nhận biết**  – Kể được tên được những địa điểm tìm thấy dấu tích của người tối cổ trên đất nước Việt Nam\*  **Thông hiểu**  – Giới thiệu được sơ lược quá trình tiến hoá từ vượn người thành người trên Trái Đất.  **Vận dụng**  – Xác định được những dấu tích của người tối cổ ở Đông Nam Á | **1 TN** |  |  |  |
| 2. Xã hội nguyên thuỷ | **Nhận biết**  – Trình bày được những nét chính về đời sống của người thời nguyên thuỷ (vật chất, tinh thần, tổ chức xã hội,...) trên Trái đất\*  – Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam  **Thông hiểu**  – Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội người nguyên thuỷ.  – Giải thích được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thuỷ cũng như của con người và xã hội loài người | **1 TN** |  |  |  |
| 3 | XÃ HỘI CỔ ĐẠI | 1. Ai Cập và Lưỡng Hà | **Nhận biết**  – Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và người Lưỡng Hà\*  – Kể tên và nêu được những thành tựu chủ yếu về văn hoá ở Ai Cập, Lưỡng Hà  **Thông hiểu**  – Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (các dòng sông, đất đai màu mỡ) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lưỡng Hà. | **2 TN** |  |  |  |
| 2. Ấn Độ cổ đại | **Nhận biết**  - Nêu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ  - Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ  **Thông hiểu**  **-** Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng  **Vận dụng**  - Xác định được những thành tựu văn hóa Ấn Độ cổ đại được sử dụng và bảo tồn đến ngày nay\*  **Vận dụng cao**   * Liên hệ bản thân\* |  |  | **1/2 TL** | **1/2 TL** |
| 3. Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỷ VII | **Nhận biết**  – Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc.  **Thông hiểu**  – Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại.  – Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thuỷ Hoàng  **Vận dụng**  – Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tuỳ. | **2 TN** |  |  |  |
| 4. Hy Lạp và La Mã | **Nhận biết**  – Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã  – Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã.  **Thông hiểu**  Giới thiệu được tác động của điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã\*  **Vận dụng**  – Nhận xét được tác động về điều kiện tự nhiên đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã.  **Vận dụng cao**  **-** Liên hệ được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã có ảnh hưởng đến hiện nay |  | **1 TL** |  |  |
| 4 | ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X | 1. Các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á | **Nhận biết**  Trình bày được sơ lược về vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á\* | **2 TN** |  |  |  |
|  |  | 2. Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở ĐNA (từ thế kỷ VII đến thế kỷ X) | **Nhận biết**  – Trình bày được quá trình xuất hiện các vương quốc cổ ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII.  – Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X ở Đông Nam Á. |  |  |  |  |
|  |  | 3. Giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X | **Vận dụng cao**  - Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu thương mại và văn hóa ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X. |  |  |  |  |
|  | **Số câu/Loại câu** | | | 8 câu/TNKQ | 1 câu/TL | ½ câu/TL | ½ câu/TL |
|  | **Tỉ lệ %** | | | 20 | 15 | 10 | 5 |
|  | **Tổng hợp chung** | | | 40% | 30% | 20% | 10% |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD - ĐT VIỆT TRÌ  **TRƯỜNG THCS……..**  *(Đề thi gồm 02 trang)* | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **Năm học: 2022 - 2023.**  **Môn: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ LỚP 6**  ***Thời gian làm bài:*** *90 phút (không kể thời gian giao đề).* |

**I. PHẦN I: TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (2,0 điểm)**

*Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng*

**1. Phần Lịch sử**

**Câu 1**. Loài người là kết quả của quá trình tiến hóa từ

**A.** Người tối cổ. **B.** Vượn.

**C.** Vượn người. **D.** Người tinh khôn.

**Câu 2.** Tổ chức xã hội đầu tiên của loài người là

**A**. làng bản. **C.** thị tộc.

**B.** bầy người. **D.** bộ lạc.

[**Câu 3.** Ở Ai Cập, người đứng đầu nhà nước được gọi là](https://doctailieu.com/trac-nghiem/o-ai-cap-nguoi-dung-dau-nha-nuoc-duoc-goi-la-a-pha-ra-ong-trac-nghiem-mon-98198)

**A.** Pha-ra-ông. **B.** En-xi.

**C.** Thiên tử. **D.** Thiên hoàng.

[**Câu 4.** Quốc gia Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại được hình thành trên cơ sở kinh tế](https://doctailieu.com/trac-nghiem/quoc-gia-ai-cap-va-luong-ha-co-dai-duoc-xay-dung-tren-nen-tang-kinh-te-a-nong-98201) chính là

**A.** nông nghiệp trồng lúa nước. **B**. thủ công nghiệp và thương nghiệp.

**C.** mậu dịch hàng hải quốc tế. **D.** thủ công nghiệp hàng hóa.

**Câu 5**. Quan hệ sản xuất phong kiến ở Trung Quốc được xác lập từ các giai cấp nào?

**A.** Tư sản và vô sản. **B.** Chủ nô và nô lệ.

**C.** Lãnh chúa và nông nô. **D.** Địa chủ và nông dân lĩnh canh.

**Câu 6.** Những đóng góp quan trọng về mặt kĩ thuật của Trung Quốc thời cổ đại là

**A.** giấy, thuốc nổ, la bàn, kĩ thuật in. **B.** đúc đồng, thuốc nổ, làm gốm, kĩ thuật in.

**C.** rèn sắt, thuốc nổ, la bàn,làm gốm. **D.** giấy, thuốc nổ, la bàn, kĩ thuật dệt.

**Câu 7**. Khu vực Đông Nam Á được coi là

**A.** cầu nối giữa Trung Quốc và Ấn Độ. **B.** “ngã tư đường” của thế giới.

**C.** “cái nôi” của thế giới. **D**. Trung tâm của thế giới.

**Câu 8**. Các quốc gia sơ kì Đông Nam Á ra đời vào khoảng thời gian nào?

**A**. Thiên niên kỉ II TCN.                    **B.** Từ thế kỉ VII TCN đến thế kỉ VII.

**C.** Thế kỉ VII TCN.                            **D.** Thế kỉ X TCN.

**II. PHẦN II. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)**

**Câu 1*. (1,5 điểm).*** Thành tựu văn hóa nào của người Ấn Độ cổ đại được sử dụng hoặc bảo tồn đến ngày nay? Trong những thành tựu đó em ấn tượng nhất thành tựu nào? Vì sao?

**Câu 2. *(1,5 điểm).*** Điều kiện tự nhiên đã tác động như thế nào đến sự hình thành và phát triển của văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại?

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD - ĐT VIỆT TRÌ  **TRƯỜNG THCS ...................** | **HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**  **Năm học: 2022 - 2023.**  **Môn: LỊCH SỬ- ĐỊA LÍ LỚP 6**  ***Thời gian làm bài:*** *90 phút (không kể thời gian giao đề).* |

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. PHẦN I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN: (2,0 điểm)**

***Mỗi phương án đúng được 0,25 điểm***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **Đáp án** | **C** | **B** | **A** | **A** | **D** | **A** | **A** | **B** |

**II. PHẦN II. TỰ LUẬN: (3,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  **(1,5 điểm)** | **- Một số thành tựu văn hóa của người Ấn Độ vẫn được sử dụng và bảo tồn cho đến ngày nay:**  + Phật giáo và Ấn Độ giáo trở thành 2 trong những tôn giáo có số lượng tín đồ đông đảo nhất trên thế giới.  + Hai bộ sử thi: Mahabharata và Rammayana vẫn có sức sống lâu bền trong tâm thức người Ấn Độ, truyền bá ra bên ngoài, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của văn học Đông Nam Á.  + Các chữ số (do người Ấn Độ sáng tạo ra) được sử dụng rộng rãi trên thế giới.......  + Các công trình kiến trúc như: chùa hang A-gian-ta; cột đá A-sô-ca và đại bảo tháp San-chi… vẫn được bảo tồn và trở thành địa điểm du lịch nổi tiếng.  - **HS chọn một trong các thành tựu văn hóa mà em ấn tượng nhất và lý giải quan điểm của mình về thành tựu văn hóa đó.** | **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,25**  **0,5** |
| **2**  **(1,5 điểm)** | - Đất canh tác ít, không màu mỡ, không thuận lợi cho canh tác nông nghiệp......  - Nằm trong khu vực khí hậu ôn đới Địa Trung Hải - loại hình khí hậu được xem là lý tưởng đối với cuộc sống của con người, hoạt động sản xuất ......  - Có đường bờ biển dài, khúc khuỷu, hình răng cưa, biển Địa Trung Hải hiền hòa, thuận lợi cho việc đi lại, trú ngụ của tàu thuyền và hình thành các hải cảng tự nhiên........  - Có diện tích đảo khá lớn nằm rải rác trên Địa Trung Hải, đặc biệt là Hy Lạp, nơi ra đời và tồn tại nhiều thành thị và trung tâm thuơng mại từ rất sớm.  - Nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú: tài nguyên rừng đa dạng cùng nhiều khoáng sản quý như đồng, chì, sắt, vàng, đá quý, đất sét (Hy Lạp)… | ***0,5***  ***0,25***  ***0,25***  ***0,25***  ***0,25*** |